

PRACTICUMS FOR VIETNAMESE STUDENT THROUGH COMPARATIVE PERSPECTIVES

Duong Thi Hong Hieu, Nguyen Hoang Thien*

Ho Chi Minh City University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	26/7/2023	The article, through use of desk research, explores how practicums or internships are organized for pedagogical student at some teacher education institutions in the United States, Finland and Thailand, in comparison with the organization of practicums in teacher education institutions in Vietnam. On that basis, the article proposes a number of contents that need to be changed in the organization of practicum activities in order to make teacher education in Vietnam flexible and regular with close support from both the school accepting student teaching and the teacher education institution. The research results are aimed to help teacher education institutions in Vietnam with more scientific data to re-evaluate the effectiveness of organizing practicums for students and come up with measures for improving the quality of teacher education, which are appropriate to the practical context of Vietnam.
Revised:	12/9/2023	
Published:	12/9/2023	
KEYWORDS		
Teacher education		
Practicums		
Internships		
Comparison		
Vietnam		

THỰC TẬP SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN SO SÁNH

Dương Thị Hồng Hiếu, Nguyễn Hoàng Thiện*

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	26/7/2023	Bài viết, thông qua việc sử dụng phương pháp tổng thuật tài liệu, tìm hiểu cách thức tổ chức kiến tập, thực tập cho sinh viên sư phạm tại một số cơ sở đào tạo giáo viên ở Hoa Kỳ, Phần Lan và Thái Lan, so sánh với cách thức tổ chức kiến tập, thực tập sư phạm tại các cơ sở đào tạo giáo viên ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số nội dung cần thay đổi trong việc tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập nhằm giúp cho việc đào tạo giáo viên ở Việt Nam được linh hoạt, thường xuyên với sự hỗ trợ chặt chẽ từ cả cơ sở tiếp nhận thực tập và cơ sở đào tạo giáo viên. Kết quả nghiên cứu giúp cho các cơ sở đào tạo giáo viên ở Việt Nam có thêm những dữ liệu khoa học để đánh giá lại hiệu quả tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập cho sinh viên và đưa ra được những biện pháp cải tiến phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.
Ngày hoàn thiện:	12/9/2023	
Ngày đăng:	12/9/2023	
TỪ KHÓA		
Đào tạo giáo viên		
Thực tập		
Kiến tập		
So sánh		
Việt Nam		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8418>

* Corresponding author. Email: thiennho@hcmue.edu.vn

1. Giới thiệu

Mục tiêu của chương trình đào tạo giáo viên là nhằm giúp sinh viên sư phạm có được kiến thức cơ bản về lý thuyết và cả thực hành giảng dạy [1]. Đối với việc thực hành, giai đoạn thực tập đóng vai trò rất quan trọng vì giúp cung cấp cơ hội cho sinh viên sư phạm áp dụng kiến thức lý thuyết mà họ tích lũy thông qua chương trình học vào thực tế giảng dạy cũng như kết nối lý thuyết với thực tiễn lớp học [2]. Darling-Hammond [3] cho rằng giai đoạn thực tập được thiết kế tốt chính là nòng cốt của việc cải thiện chất lượng đào tạo giáo viên. Các nghiên cứu của Huang và cộng sự [4] và Wang & Zhang [5] cũng cho thấy rằng sinh viên tốt nghiệp từ các chương trình đại học trong đó các học phần lý thuyết được kết nối chặt chẽ với thực hành giảng dạy sẽ có khả năng tự đánh giá tốt hơn về việc giảng dạy của chính mình và họ cũng cảm thấy bản thân được chuẩn bị tốt và tự tin hơn cho nghề nghiệp. Ngoài ra, thực tập sư phạm còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và phát triển bản sắc nghề nghiệp của những giáo viên tương lai.

Bên cạnh việc khẳng định tầm quan trọng của thực tập sư phạm đối với việc đào tạo giáo viên, một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra những vấn đề khác nhau còn tồn tại trong khía cạnh này. Katharina và cộng sự [6] và Yan & He [7] cho rằng còn thiếu sự liên kết giữa chương trình học thuật ở trường đại học và việc thực hành tại trường phổ thông. Những nhà nghiên cứu khác đã chỉ ra rằng có sự khác biệt giữa những yêu cầu cần có trong các học phần tại trường đại học và yêu cầu cần thiết trong quá trình thực hành tại trường phổ thông [8]. Ngoài ra, việc không có đủ thời gian để đưa kiến thức lý thuyết vào thực tế cũng gây khó khăn cho sinh viên sư phạm trong việc liên kết lý thuyết và thực hành [9].

Ở bối cảnh Việt Nam, mô hình đào tạo giáo viên của nhiều trường còn thiếu sự linh hoạt trong việc giúp sinh viên có thể chủ động học tập và dễ dàng chuyển đổi các tín chỉ đã tích lũy khi tham gia các chương trình đào tạo khác nhau trong cùng trường cũng như tạo nhiều cơ hội cho sinh viên được chủ động kiến tập và thực tập [10]. Những học giả khác, trong nghiên cứu về thực tập của sinh viên sư phạm đã cho thấy rằng các trường đào tạo giáo viên và các trường phổ thông còn thiếu sự phối hợp trong việc giám sát, đánh giá và hỗ trợ sinh viên thực tập; còn chưa quan tâm đến việc lựa chọn giảng viên và giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy, chủ nhiệm lớp, cũng như kinh nghiệm hướng dẫn thực tập sinh để hướng dẫn sinh viên hoàn thành quá trình thực tập được hiệu quả [11], [12].

Nhìn chung, các nghiên cứu cho thấy việc thực tập sư phạm đóng vai trò quan trọng đối với chương trình đào tạo giáo viên cũng như sự chuẩn bị nghề nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên, trên thực tế việc tổ chức các học phần liên quan đến nội dung này còn gặp nhiều khó khăn. Những nghiên cứu liên quan đến Việt Nam cũng chia sẻ những điều tương tự. Do đó, dựa trên việc tìm hiểu thực tế tổ chức thực tập sư phạm tại một số quốc gia trên thế giới và ở Việt Nam, đặc biệt là sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo giáo viên và cơ sở tiếp nhận sinh viên thực tập, bài viết hy vọng sẽ giúp cho các cơ sở đào tạo giáo viên ở Việt Nam có thêm những dữ liệu khoa học phong phú để đánh giá hiệu quả tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập cho sinh viên và đưa ra được những biện pháp cải tiến phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu nhằm phân tích các công trình khoa học có liên quan cũng như những quy định, hướng dẫn về thực tập sư phạm nói riêng, về đào tạo giáo viên nói chung trong chính sách giáo dục của các quốc gia cũng như của các trường đại học. Các nội dung được tập trung phân tích bao gồm sự phân bổ thời lượng, mục đích của các học phần thực tập sư phạm, cách hoạt động thực tập được quản lý và đánh giá cũng như sự phối hợp giữa trường đại học và phổ thông trong công tác này. Việc lựa chọn một số cơ sở đào tạo giáo viên ở Hoa Kỳ, Phần Lan và Thái Lan để so sánh với các cơ sở đào tạo giáo viên ở Việt Nam dựa trên mong muốn có được một cái nhìn khái quát về thực tập sư phạm ở nhiều quốc gia thuộc các khu vực khác nhau.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Mô hình thực tập sư phạm ở một số quốc gia trên thế giới

3.1.1. Hoa Kỳ

Hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ mang tính phân cấp cao. Ý nghĩa của sự phân cấp này là mỗi tiểu bang sẽ đặt ra các yêu cầu riêng để quản lý chất lượng đội ngũ giáo viên. Như ở bang Texas, các chương trình đào tạo giáo viên phải hướng đến việc giúp người học đạt được Chứng nhận Hành nghề Giảng dạy của Bang (the State Board for Educator Certification (SBEC)) và Chứng chỉ Kỹ năng và Kiến thức cần thiết của bang Texas (the Texas Essential Knowledge and Skills (TEKS)). Việc tốt nghiệp chương trình đào tạo giáo viên chưa đảm bảo rằng sinh viên sẽ có Chứng nhận Hành nghề Giảng dạy của Bang vì chứng nhận chỉ được cấp sau khi ứng viên đã hoàn thành chương trình học và vượt qua các kỳ thi cấp chứng nhận của tiểu bang [13].

Ở Texas, mô hình đào tạo giáo viên phổ biến nhất là mô hình đào tạo cử nhân trong bốn năm. Trong hai năm đầu tiên, sinh viên tham gia các học phần về các lĩnh vực học thuật khác nhau, tập trung vào môn học chính mà sinh viên mong muốn giảng dạy. Vào cuối năm thứ hai, sinh viên nộp đơn xin nhập học vào chương trình đào tạo giáo viên tại Trường Giáo dục trong Đại học của mình (School of Education). Sau khi được nhận, sinh viên sẽ tham gia các học phần về sư phạm trong hai năm kế tiếp. Trong năm thứ hai của hai năm này (năm cuối của chương trình bốn năm), sinh viên dành học kỳ 1 để tham gia kiến tập tại các trường học. Trong thời gian này, sinh viên sẽ dự các tiết dạy của giáo viên và tham gia vào các hoạt động khác tại nhà trường để làm quen với môi trường phổ thông. Sau đó, sinh viên được yêu cầu tiến hành thực tập giảng dạy trong học kỳ cuối cùng. Trong học kỳ này, đa số sinh viên cũng đồng thời tham gia các bài kiểm tra để lấy chứng chỉ của tiểu bang. Trong trường hợp sinh viên có một bằng cử nhân từ các chuyên ngành khác và mong muốn trở thành giáo viên thì họ sẽ dành một năm để tham gia các học phần về sư phạm sau khi có bằng cử nhân. Họ cũng cần phải hoàn thành một học kỳ thực tập giảng dạy tại trường phổ thông [14].

Thời gian thực tập giảng dạy của sinh viên trong học kỳ cuối phải kéo dài ít nhất 12 tuần và được tiến hành toàn thời gian (khoảng 200 giờ), tương đương với 3,5 tín chỉ. Sinh viên sư phạm đóng vai trò là giáo viên đứng lớp trong một học kỳ dưới sự hướng dẫn của giáo viên phổ thông. Ngoài phần thực tập giảng dạy này, sinh viên phải tham dự tọa đàm một giờ mỗi tuần vào ban đêm trong suốt học kỳ thực hành dạy, tương đương 1 tín chỉ để chia sẻ những trải nghiệm của họ trong quá trình thực tập và nhận những lời khuyên từ giảng viên, giáo viên và các sinh viên khác nhằm cải thiện hoạt động thực tập của họ. Sinh viên sư phạm khi thực tập sẽ được chỉ định một giáo viên cố vấn. Ngoài ra, một giảng viên của trường đại học với vai trò là giảng viên hướng dẫn cũng sẽ cung cấp những chỉ dẫn và hỗ trợ liên tục. Giảng viên này sẽ có ba lần dự giờ tiết dạy của sinh viên (mỗi tiết kéo dài 45 phút) trong thời gian 12 tuần thực tập và sẽ cung cấp những phản hồi cho sinh viên để giúp việc giảng dạy được tốt hơn [14].

Liên quan đến đánh giá việc thực tập của sinh viên sư phạm, nhiều trường sử dụng Đánh giá Hiệu suất edTPA (edTPA Student-Teacher Performance Assessment). Đây là bài đánh giá được thiết kế bởi Đại học Stanford và tập trung vào các hoạt động thực tế trên lớp của sinh viên sư phạm. Bài đánh giá này đã được sử dụng tại California từ năm 2008 và hiện đang được triển khai ở 34 bang của Hoa Kỳ. Bài đánh giá Hiệu suất edTPA tập trung vào ba nhiệm vụ chính của sinh viên khi thực tập là lập kế hoạch bài dạy, hướng dẫn học sinh và đánh giá học sinh. Cụ thể, sinh viên sẽ chuẩn bị bộ hồ sơ giảng dạy trong quá trình thực hành giảng dạy của mình. edTPA yêu cầu sinh viên sư phạm cho thấy sự sẵn sàng giảng dạy thông qua các kế hoạch bài học được thiết kế để phát huy các điểm mạnh và hỗ trợ nhu cầu của học sinh; sự thu hút học sinh thực sự tham gia vào quá trình học tập; sự phân tích xem học sinh của họ có đang học hay không và điều chỉnh cách giảng dạy để việc học trở nên hiệu quả hơn. Những sinh viên sư phạm phải gửi các bản ghi video chưa chỉnh sửa của mình khi làm việc trong một lớp học thực tế như một phần của bộ hồ sơ cần phải nộp cho Tổ chức Giáo dục Pearson (cơ quan thứ ba có chức năng đánh giá edTPA) (bao gồm nhiều sản phẩm khác như giáo án, phiếu nhận xét học sinh,...) để được chấm điểm bởi các nhà giáo dục được đào tạo bài bản [15].

3.1.2. Phần Lan

Ở Phần Lan, kể từ năm 2005, với ảnh hưởng của việc thực hiện qui trình Bologna, việc đào tạo giáo viên đã chuyển đổi sang mô hình đào tạo hai giai đoạn gồm: giai đoạn đào tạo 3 năm ở bậc đại học và 2 năm ở bậc thạc sĩ đối với tất cả các chương trình đào tạo giáo viên tiểu học cũng như trung học. Mặc dù mỗi trường đại học có những sự tự chủ nhất định trong việc đào tạo giáo viên, song các trường đều phải tuân thủ theo các qui định của chính phủ về nội dung, mục tiêu và số tín chỉ tối thiểu. Điều này giúp phát triển mạng lưới các trường đại học đào tạo giáo viên ở Phần Lan nhằm tăng cường các hợp tác và chia sẻ về cấu trúc các chương trình đào tạo giáo viên mới để đáp ứng với hệ thống Bologna [16].

Đào tạo giáo viên ở Phần Lan chú trọng đến thực hành. Trong chương trình đào tạo giáo viên, thực hành sư phạm thường chiếm khoảng 20 tín chỉ [17]. Nhìn chung, phần kiến tập và thực tập thường được chia thành ba giai đoạn trong chương trình năm năm: thực hành giảng dạy cơ bản (định hướng), thực hành giảng dạy nâng cao (môn chính) và thực hành giảng dạy cuối (chuyên gia). Các giai đoạn này nằm ở hai năm cuối của chương trình. Trong giai đoạn thực hành giảng dạy cơ bản, sinh viên dự giờ các tiết dạy của các giáo viên có kinh nghiệm. Đối với thực hành giảng dạy nâng cao, sinh viên lên lớp giảng dạy các tiết có giáo viên hướng dẫn dự giờ và các tiết độc lập cho các nhóm học sinh khác nhau mà không có sự giám sát trực tiếp của giáo viên. Đối với sinh viên theo chương trình giáo viên trung học thì họ sẽ thực hành giảng dạy bộ môn chính ở giai đoạn này. Trong giai đoạn thực hành giảng dạy cuối, sinh viên sẽ giảng dạy độc lập mà không có giáo viên dự giờ nhiều hơn. Kết quả thực tập của sinh viên sẽ được đánh giá bởi giáo viên hướng dẫn cùng giảng viên của khoa đào tạo giáo viên. Đối với sinh viên theo chương trình giáo viên trung học thì họ sẽ thực hành giảng dạy thêm một bộ môn phụ ở giai đoạn này [18]. Bảng 1 là ví dụ cụ thể về chương trình đào tạo giáo viên bộ môn của Đại học Helsinki, trong đó sự phân bổ và thời lượng cho giai đoạn kiến tập và thực tập được thể hiện chi tiết [18].

Bảng 1. Cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên bộ môn tại Đại học Helsinki [18]

Kỳ đầu tiên (18 tín chỉ)	Kỳ thứ ba (17 tín chỉ)
Tâm lý phát triển và việc học (4)	Nền tảng xã hội, lịch sử và triết học của giáo dục (5)
Giáo dục đặc biệt (4)	Đánh giá và phát triển việc dạy (7)
Nhập môn sư phạm (10)	Thực hành dạy nâng cao (5)
Kỳ thứ hai (7 tín chỉ)	Kỳ thứ tư (12 tín chỉ)
Thực hành dạy cơ bản (7)	Seminar nghiên cứu (giáo viên là nghiên cứu viên) (4)
Phương pháp nghiên cứu (6)	Thực hành dạy cuối (8)

Trong quá trình kiến tập và thực tập, sinh viên được hỗ trợ chuyển đổi kiến thức lý thuyết học tại trường đại học thành kiến thức mang tính ứng dụng chuyên môn thông qua các hoạt động phản tư (self reflection) và thảo luận có hướng dẫn trong nhóm nhỏ. Việc phản tư ở đây đề cập đến quá trình mà một trải nghiệm được nhớ lại, xem xét và đánh giá [19]. Hay nói cách khác, sinh viên được yêu cầu phải viết những bài phản tư trong quá trình kiến tập và thực tập của mình. Giáo viên hướng dẫn sẽ giúp sinh viên đưa tất cả các khía cạnh có thể có trong công việc của giáo viên vào báo cáo mang tính chia sẻ suy nghĩ của họ.

Ở Phần Lan chất lượng giám sát tại các trường được lựa chọn cho sinh viên kiến tập và thực tập được coi là đặc biệt cao (thường được gọi là trường thực hành sư phạm). Thứ nhất, các giáo viên làm việc tại các trường thực hành sư phạm không chỉ cam kết dạy học sinh và lớp học của họ, mà còn giám sát sinh viên thực tập. Điều này cũng đòi hỏi giáo viên tại các trường này phải phát triển chuyên môn liên tục để có thể đan xen công việc giảng dạy thực tế trên lớp và tìm hiểu các nghiên cứu sư phạm mới nhất trong quá trình giám sát các giáo viên tương lai. Một số giáo viên cũng tham gia thực hiện các nghiên cứu. Gần 20% giáo viên tại các trường thực hành sư phạm có bằng tiến sĩ hoặc bằng licentiate (bằng cấp giữa thạc sĩ và tiến sĩ) và họ dành nhiều công sức cho việc phát triển chuyên môn theo hình thức tập huấn [17]. Một lý do rõ ràng khác để đào tạo giáo viên thành công ở Phần Lan là sự kết nối chặt chẽ giữa các trường thực hành sư phạm,

các khoa sư phạm và các khoa khác của trường đại học. Các giáo viên và giảng viên tham gia vào quá trình đào tạo giáo viên này đều được xem là thuộc cùng một tổ chức, có thể viết các chương trình giảng dạy với nhau để cùng nhau giúp sinh viên sư phạm phát triển tốt nhất kiến thức và kỹ năng cho nghề nghiệp tương lai của mình. Ngoài việc giám sát hoạt động giảng dạy, các trường thực hành sư phạm còn cung cấp chương trình giáo dục phổ thông cho học sinh tiểu học cũng như trung học cơ sở và trung học phổ thông để giúp các trường đào tạo giáo viên có thể cập nhật vào chương trình giảng dạy cho sinh viên sư phạm [18].

3.1.3. Thái Lan

Tại Thái Lan, tất cả các trường sư phạm đều yêu cầu sinh viên phải tham gia kỳ thi tuyển sinh để trở thành sinh viên của mình. Trước năm 2005, sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo trong bốn năm nhưng kể từ năm 2005, sinh viên phải hoàn thành chương trình năm năm và phải có giấy phép giảng dạy nếu muốn trở thành giáo viên. Sinh viên có bằng cử nhân trong các lĩnh vực khác phải hoàn thành thêm chương trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm một năm để được cấp giấy phép giảng dạy [20].

Dù các trường sư phạm có thể cung cấp các học phần với nội dung và thời lượng có những sự khác biệt nhất định, tất cả các chương trình cấp bằng đại học năm năm phải đáp ứng các tiêu chuẩn về kiến thức chuyên môn và thực hành do Hội đồng giáo viên quy định, bao gồm tối thiểu là 30 tín chỉ các học phần giáo dục đại cương, 50 tín chỉ về khoa học giáo dục và sư phạm, 240 giờ thực hành giảng dạy (tương đương 6 tín chỉ) cho mỗi học kỳ và ít nhất là hai học kỳ ở trường phổ thông, 80 tín chỉ cho các học phần liên quan đến môn học chính mà sinh viên sẽ giảng dạy và 6 tín chỉ cho các học phần tự chọn. Chương trình một năm dành cho sinh viên tốt nghiệp đại học từ các chuyên ngành khác thì phải đảm bảo tối thiểu 24 tín chỉ về khoa học giáo dục và sư phạm cộng với một năm thực tập/kiến tập (việc thực tập/kiến tập có thể thực hiện song song với các học phần để đạt 24 tín chỉ) [20].

Cụ thể như tại Đại học Chiang Mai, một chương trình đào tạo giáo viên có 168 tín chỉ và yêu cầu thời gian học năm năm. Năm thứ 5 là để thực hiện việc thực tập tại trường phổ thông thông qua hai học phần là Thực tập Sư phạm 1 - là một học phần mà sinh viên phải thực hành giảng dạy tại trường phổ thông trong 1 học kỳ. Khi hoàn thành Thực tập Sư phạm 1, sinh viên được đăng ký học phần Thực tập Sư phạm 2. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ được sự hướng dẫn và giám sát từ cả giảng viên và giáo viên. Giáo viên phổ thông sẽ hướng dẫn sinh viên làm quen với lớp học, tham dự các bài dạy của sinh viên và đưa ra nhận xét để giúp sinh viên tiến bộ. Giảng viên liên tục đến trường phổ thông để quan sát lớp học của sinh viên thực tập, giúp sinh viên thực hiện việc tự đánh giá hoạt động giảng dạy của mình và thảo luận về các giải pháp khả thi cho các vấn đề mà sinh viên phải đối mặt. Giảng viên và sinh viên cùng đánh giá kết quả thực tập của sinh viên và cùng hợp tác để chủ trì tọa đàm về thực hành giảng dạy để sinh viên thực tập chia sẻ các vấn đề và giải pháp giảng dạy với các giáo viên hướng dẫn và giảng viên giám sát của mình [21]. Do Thực tập Sư phạm 2 đòi hỏi sinh viên chủ yếu giảng dạy mà ít có sự giám sát của giáo viên nên sinh viên sẽ có nhiều vấn đề liên quan đến chuyên môn, học sinh,... cần phải được họ chịu trách nhiệm giải quyết nên sinh viên sẽ phải hợp tác với giảng viên và giáo viên nhiều hơn so với Thực tập Sư phạm 1. Cụ thể, nếu như đối với Thực tập Sư phạm 1 sinh viên phải tham dự một buổi tọa đàm trong quá trình thực tập để cùng giáo viên và giảng viên giải quyết vấn đề nảy sinh từ việc giảng dạy thì trong Thực tập Sư phạm 2 sinh viên phải tham dự ba tọa đàm trong học kỳ để sinh viên chia sẻ những trải nghiệm của họ trong quá trình thực tập và nhận những lời khuyên từ giảng viên, giáo viên và các sinh viên khác để cải thiện hoạt động thực tập của họ [22].

Khác với đại học Chiang Mai, tại Đại học Chulalongkorn, việc kiến tập và thực tập được tiến hành qua bốn học phần tại các trường thực hành của chính Đại học Chulalongkorn và các trường phổ thông khác. Trong đó, Thực tập Sư phạm 1 và 2 giúp sinh viên dần dần hiểu biết về các công việc của giáo viên và văn hóa trường học. Trong khi đó Thực tập Sư phạm 3 và 4 là thực hành giảng dạy thực tế trong các lớp học có sự giám sát. Chương trình nhằm mục đích tạo thành một

giáo để định hướng cho sinh viên dần dần tìm hiểu về công việc ở trường bằng cách chứng kiến giáo viên làm việc trước khi tự làm việc. Sự phân bố các học phần này được cụ thể như sau: Năm 2, sinh viên tham gia học phần bắt buộc Thực tập Sư phạm 1 với 1 tín chỉ. Học phần này tập trung vào việc quan sát vai trò và nhiệm vụ chung của giáo viên trong trường như làm chủ nhiệm của lớp và tổ chức các hoạt động của trường (ví dụ: ngày thể thao của trường, triển lãm dự án của học sinh). Học phần này được tổ chức tại trường Tiểu học thực hành và Trung học Thực hành của Đại học Chulalongkorn. Giáo viên của hai trường thực hành sẽ phụ trách việc thiết kế học phần và cả giảng dạy với sự giám sát chất lượng học thuật từ Khoa Sư phạm của Đại học Chulalongkorn. Năm 3, sinh viên tham gia học phần Thực tập Sư phạm 2 để tập trung hơn vào vai trò của giáo viên trong quản lý học tập. Các hoạt động học tập trong học phần này tập trung vào việc quan sát giáo viên trong lớp học cụ thể tương ứng với chuyên ngành của sinh viên. Ví dụ, sinh viên ngành Sư phạm Sinh học sẽ quan sát các giờ sinh học để tìm hiểu cách giáo viên lên kế hoạch bài học, dạy trên lớp và đánh giá việc học của học sinh. Họ cũng trải nghiệm việc giảng dạy lần đầu tiên bằng cách làm việc trong một nhóm nhỏ để viết một kế hoạch bài dạy ngắn và dạy học sinh tại trường thực hành của Đại học Chulalongkorn trong 15 phút dưới sự giám sát của giáo viên trường thực hành. Trong năm 4 sinh viên không phải tham gia kiến tập hay thực tập tại trường phổ thông mà tham gia một học phần về Phương pháp giảng dạy theo chuyên ngành của họ. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm giảng dạy cụ thể cho chuyên ngành của mình. Năm 5 là thời gian sinh viên thực tập giảng dạy ở trường trong cả năm [21], [22]. Bảng 2 là kết quả tóm tắt cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên tại Đại học Chiang Mai và Đại học Chulalongkorn.

Bảng 2. Tóm tắt cấu trúc chương trình đào tạo giáo viên
tại Đại học Chiang Mai và Đại học Chulalongkorn

Tiêu chí	Đại học Chiang Mai	Đại học Chulalongkorn
Thời gian đào tạo	5 năm	5 năm
Số lần thực tập	2	4
Học kì thực tập	Học phần 1: Học kì 9 Học phần 2: Học kì 10	Học phần 1: Học kì 3 Học phần 2: Học kì 5 Học phần 3: Học kì 9 Học phần 4: Học kì 10
Số tín chỉ thực tập	Học phần 1: 6 tín chỉ Học phần 2: 6 tín chỉ Tổng: 12 tín chỉ	Học phần 1: 1 tín chỉ Học phần 2: 1 tín chỉ Học phần 3: 6 tín chỉ Học phần 4: 6 tín chỉ Tổng: 14 tín chỉ
Số tuần thực tập	Học phần 1: 15 tuần toàn thời gian Học phần 2: 15 tuần toàn thời gian	(không có thông tin)
Vai trò của giáo viên và giảng viên	Giáo viên: Hướng dẫn sinh viên Giảng viên: Dự giờ tiết để góp ý cho sinh viên	Giáo viên: Hướng dẫn sinh viên Giảng viên: Dự giờ tiết để góp ý cho sinh viên
Tích hợp nghiên cứu	Học phần 1: Sinh viên đề xuất một nghiên cứu hành động Học phần 2: sinh viên hoàn thành nghiên cứu hành động đã đề xuất	Học phần 3: Sinh viên đề xuất một nghiên cứu hành động Học phần 4: sinh viên hoàn thành nghiên cứu hành động đã đề xuất

Việc kiến tập và thực tập sư phạm của sinh viên tại Thái Lan được thực hiện trong sự phối hợp chặt chẽ giữa trường phổ thông và cơ sở đào tạo giáo viên. Các giảng viên liên tục đến trường phổ thông để quan sát lớp học của sinh viên thực tập cùng với giáo viên phổ thông, giúp sinh viên thực hiện việc tự đánh giá hoạt động giảng dạy của mình và thảo luận về các giải pháp khả thi cho các vấn đề mà sinh viên phải đối mặt. Việc đánh giá kết quả thực tập của sinh viên cũng do giảng viên và giáo viên phổ thông cùng thực hiện [21]. Ngoài ra, giảng viên và giáo viên còn cùng hợp tác để chủ trì tọa đàm về thực hành giảng dạy để sinh viên thực tập chia sẻ các vấn đề và giải pháp giảng dạy với các giáo viên hướng dẫn và giảng viên giám sát của mình [21], [22].

3.2. Mô hình thực tập sư phạm ở Việt Nam

Ở Việt Nam, tuy thời gian thiết kế cho một khóa đào tạo giáo viên trình độ đại học đều là 4 năm nhưng việc tổ chức kiến tập, thực tập sư phạm ở mỗi trường đại học lại không hoàn toàn như nhau. Dù hầu hết các trường đều tổ chức kiến tập, thực tập thành hai đợt nhưng tên gọi, số tín chỉ, thời gian và nội dung cho từng đợt không như nhau. Có trường thì gọi đợt 1 là kiến tập, đợt 2 là thực tập, có trường gọi đợt 1 là thực tập 1, đợt 2 là thực tập 2. Số tín chỉ cho các đợt cũng không như nhau, đợt 1 dao động từ 2 đến 3 tín chỉ trong khi số tín chỉ cho đợt 2 dao động từ 3 đến 6 tín chỉ tùy trường. Thời gian tổ chức các đợt kiến tập thực tập cũng không hoàn toàn thống nhất. Nhiều trường tổ chức đợt 1 vào học kì 6 và đợt 2 vào học kì 8 của chương trình đào tạo nhưng cũng có trường sắp xếp đợt 1 vào học kì 5, đợt 2 vào học kì 7. Thời gian cho từng đợt cũng có sự khác biệt. Có trường tổ chức đợt 1 chỉ gồm 3-5 tuần nhưng sinh viên phải làm việc toàn thời gian tại trường phổ thông trong thời gian này. Có trường đợt 1 được kéo dài trong 10 tuần nhưng sinh viên vẫn học tại trường đại học và chỉ đến trường phổ thông 2 ngày mỗi tuần. Với đợt 2, các trường đại học đều yêu cầu sinh viên làm việc toàn thời gian tại trường phổ thông. Tuy nhiên, tổng thời gian cho đợt 2 cũng không thống nhất mà dao động từ 5 đến 10 tuần tùy theo quy chế, quy định thực tập của từng trường [23]-[28]. Bảng 3 là kết quả so sánh về tổ chức thực tập sư phạm ở một số cơ sở đào tạo giáo viên tại Việt Nam.

Bảng 3. So sánh về tổ chức thực tập sư phạm ở một số cơ sở đào tạo giáo viên tại Việt Nam

Tiêu chí	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng	Khoa Sư phạm - Đại học Cần Thơ
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm
Số lần thực tập	2	2	2	2	2
Học kì thực tập	Học phần 1: Học kì 6 Học phần 2: Học kì 8	Học phần 1: Học kì 6 (5 tuần toàn thời gian) Học phần 2: Học kì 8	Học phần 1: Học kì 5 Học phần 2: Học kì 8	Học phần 1: Học kì 6 Học phần 2: Học kì 7	Học phần 1: Học kì 5 Học phần 2: Học kì 8
Số tín chỉ thực tập	Học phần 1: 2 tín chỉ Học phần 2: 6 tín chỉ Tổng: 8 tín chỉ	Học phần 1: 3 tín chỉ Học phần 2: 3 tín chỉ Tổng: 6 tín chỉ	Học phần 1: 3 tín chỉ Học phần 2: 5 tín chỉ Tổng: 8 tín chỉ	Học phần 1: 3 tín chỉ Học phần 2: 3 tín chỉ Tổng: 6 tín chỉ	Học phần 1: 2 tín chỉ Học phần 2: 3 tín chỉ Tổng: 5 tín chỉ
Số tuần thực tập	Học phần 1: 5 tuần toàn thời gian Học phần 2: 10 tuần toàn thời gian	Học phần 1: 5 tuần toàn thời gian Học phần 2: 5 tuần toàn thời gian	Học phần 1: 5 tuần toàn thời gian Học phần 2: 7 tuần toàn thời gian	Học phần 1: 10 tuần, mỗi tuần 2 buổi Học phần 2: 10 tuần toàn thời gian	Học phần 1: 3 tuần, tối thiểu 6 buổi/tuần Học phần 2: 8 tuần toàn thời gian
Vai trò của giáo viên và giảng viên	Giáo viên: Hướng dẫn sinh viên Giảng viên: Dự giờ ít nhất 2 tiết để góp ý cho sinh viên	Giáo viên: Hướng dẫn sinh viên Giảng viên: Không yêu cầu bắt buộc dự giờ sinh viên	Giáo viên: Hướng dẫn sinh viên Giảng viên: dự giờ sinh viên thực tập và tham dự tổ chức seminar chuyên môn, giảng dạy tối thiểu 1 tiết ở trường phổ thông.	Giáo viên: Hướng dẫn sinh viên Giảng viên có vấn chuyên môn: dự giờ 1 tiết/cơ sở thực tập	Giáo viên: Hướng dẫn sinh viên
Tích hợp nghiên cứu				Mỗi sinh viên phải làm 1 đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục trong khi thực tập 1	

Về nội dung các yêu cầu sinh viên phải thực hiện trong từng đợt kiến tập, thực tập thì dù hầu hết các trường đại học đều khá thống nhất trong việc mục tiêu của đợt 1 thiên về tìm hiểu trường phổ thông và công tác của một giáo viên, thực tập công tác giáo dục nhiều hơn là công tác giảng dạy

nhưng các quy định cụ thể về số tiết phải dự giờ, số tiết phải lên lớp, các loại hồ sơ phải làm,... cũng có những khác biệt. Nhiều trường đều yêu cầu sinh viên phải làm báo cáo thu hoạch về tìm hiểu thực tiễn giáo dục nhưng chỉ có ít trường như Đại học Sư phạm Đà Nẵng có thêm yêu cầu sinh viên phải làm bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục dưới sự hướng dẫn của giảng viên của trường. Tương tự, với thực tập đợt 2, tuy khá thống nhất về việc đợt thực tập này sẽ thiên về thực tập công tác giảng dạy chuyên môn nhưng các trường cũng có những yêu cầu cụ thể khác nhau về số tiết dự giờ, lên lớp, giảng trong nhóm, bài phải soạn,... cũng như các công tác giáo dục khác.

Về vai trò của giáo viên và giảng viên trong quá trình sinh viên đi thực tập thì hầu như các trường đều khá thống nhất về vai trò hướng dẫn và đánh giá của giáo viên, tuy nhiên, vai trò của giảng viên thì có những khác biệt. Có trường không yêu cầu giảng viên bắt buộc phải dự giờ và đánh giá sinh viên [26], [27]. Có trường yêu cầu dự giờ, góp ý nhưng không tính vào điểm đánh giá mà chủ yếu là để trao đổi với các cơ sở thực tập nhằm có sự đồng đều trong đánh giá [25], [28]. Các tọa đàm và seminar để tạo diễn đàn cho sinh viên trao đổi về công tác kiến tập, thực tập cũng chưa được nhiều trường đại học Việt Nam quan tâm tổ chức.

4. Thảo luận và đề xuất

Như trên, chúng ta có thể thấy việc tổ chức kiến tập và thực tập sư phạm ở Việt Nam cũng có một số điểm tương đồng với các quốc gia trên thế giới nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt. Về số đợt kiến tập, thực tập thì đa số trường đại học ở Việt Nam tổ chức thành 2 đợt nhưng ở Phần Lan và Hoa Kỳ lại khá đa dạng. Có những trường chỉ tổ chức 2 đợt nhưng cũng có nơi tổ chức nhiều hơn với những yêu cầu khác nhau cho từng đợt. Về thời gian cho mỗi đợt thực tập, xu hướng chung của thế giới là dành nhiều thời gian cho các đợt này trong khi ở Việt Nam đa số các trường thiết kế khá ngắn, nhất là với đợt 1 với chỉ khoảng từ 3-5 tuần. Về yêu cầu cho mỗi đợt thực tập, ngoài những yêu cầu khá thống nhất như soạn bài, dự giờ, tìm hiểu thực tế giáo dục, thực tập giảng dạy và chủ nhiệm dưới sự hướng dẫn của giáo viên thì cũng có những khác biệt. Cụ thể, Phần Lan và Thái Lan cho phép sinh viên có các tiết giảng dạy độc lập, có ít sự giám sát của giáo viên (nhất là với thực tập các đợt cuối) nhưng các hướng dẫn, quy định của các trường đại học Việt Nam lại chưa đề cập đến việc này. Hoa Kỳ và Thái Lan yêu cầu sinh viên phải tham dự tọa đàm định kì để trao đổi về việc thực tập, Phần Lan nhấn mạnh các hoạt động phản tư và thảo luận có hướng dẫn trong nhóm nhỏ nhưng Việt Nam thì cũng chưa chú ý nhiều đến các hoạt động này. Đại học Chiang Mai, Thái Lan yêu cầu sinh viên phải phát triển một đề xuất nghiên cứu hành động và trình bày đề xuất của họ với giảng viên và giáo viên vào cuối đợt thực tập. Tương tự, một số trường đại học của Việt Nam như Đại học Sư phạm Đà Nẵng cũng có yêu cầu sinh viên phải làm một bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục trong đợt thực tập 1. Tuy nhiên, nhiều trường đại học khác của Việt Nam thì chưa quan tâm đến việc này mà chủ yếu chỉ yêu cầu sinh viên làm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục để giáo viên chấm.

Vai trò của giáo viên và giảng viên trong quá trình kiến tập, thực tập của sinh viên cũng có sự khác biệt tùy từng cơ sở đào tạo. Đặc biệt, Phần Lan khuyến khích giáo viên tham gia sâu hơn vào quá trình đào tạo bằng việc tìm hiểu các nghiên cứu sư phạm và tham gia viết các chương trình giảng dạy cùng với giảng viên đại học. Điều này còn khá mờ nhạt ở Việt Nam. Về vai trò của giảng viên thì cả Hoa Kỳ, Phần Lan, Thái Lan đều yêu cầu giảng viên phải dự giờ thực tập của sinh viên và thể hiện vai trò giám sát của mình. Tuy nhiên, ở Việt Nam việc này chưa đồng bộ. Chỉ có một số trường có yêu cầu giảng viên dự giờ sinh viên nhưng việc giám sát việc cung cấp phản hồi cho sinh viên còn chưa chặt chẽ và tính hiệu quả cũng chưa được nghiên cứu, làm rõ [25].

Qua việc phân tích, tìm hiểu và so sánh cách thức tổ chức kiến tập, thực tập cho sinh viên sư phạm tại một số cơ sở đào tạo giáo viên ở Hoa Kỳ, Phần Lan và Thái Lan, so sánh với cách thức tổ chức kiến tập, thực tập sư phạm tại một số cơ sở đào tạo giáo viên ở Việt Nam, có thể thấy dù cũng đã có nhiều đổi mới nhưng công tác kiến tập, thực tập sư phạm tại Việt Nam vẫn nên có những cải tiến. Trước hết, các trường đào tạo giáo viên tại Việt Nam có thể cân nhắc để tổ chức lại việc kiến tập, thực tập thành nhiều đợt với những mục đích, yêu cầu khác nhau. Mô hình của

các quốc gia trên chính là những gợi ý cụ thể. Dĩ nhiên các trường có thể phải điều chỉnh cho phù hợp thực tế Việt Nam. Việc tổ chức các tọa đàm định kì để trao đổi về việc thực tập, các hoạt động phản tư và thảo luận có hướng dẫn trong nhóm nhỏ và việc yêu cầu sinh viên phải phát triển một đề xuất nghiên cứu hành động trong quá trình thực tập cũng là những gợi ý tốt từ cách tổ chức thực tập của cả Hoa Kỳ, Phần Lan và Thái Lan. Các hoạt động này giúp sinh viên có cơ hội trao đổi thảo luận với các bạn, giáo viên, giảng viên để kịp thời tháo gỡ những khúc mắc, giải quyết được các khó khăn trong quá trình thực tập. Việc cần phải làm một nghiên cứu hành động nhỏ trong quá trình thực tập cũng giúp các em suy nghĩ sâu sắc hơn về quá trình này và có những giải pháp phù hợp. Cuối cùng, vai trò của giáo viên và giảng viên trong quá trình thực tập cũng là điều mà chúng ta cần xem xét thêm. Việc tổ chức thực tập của Phần Lan trong đó giáo viên không chỉ tham gia sâu vào quá trình hướng dẫn thực tập mà còn vào quá trình xây dựng chương trình đào tạo và đào tạo, giáo viên Thái Lan tham gia vào các tọa đàm là những gợi ý có tính khả thi cho Việt Nam. Riêng với giảng viên, dường như giảng viên các nước đều tham gia giám sát, hỗ trợ sâu quá trình thực tập của sinh viên qua việc tổ chức các tọa đàm, hướng dẫn các nghiên cứu, dự giờ, góp ý cho sinh viên. Tuy nhiên, chỉ mới có một số trường ở Việt Nam quan tâm việc này và việc tổ chức, giám sát cũng chưa thật bài bản. Vì vậy, đây có thể là một điểm mà các trường đào tạo giáo viên ở Việt Nam cũng nên xem xét, nghiên cứu và cải tiến thêm.

5. Kết luận

Tóm lại, để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên thì việc cải tiến, nâng cao chất lượng kiến tập, thực tập là một phần quan trọng. Để làm được điều này không chỉ cần gia tăng phần thực hành giảng dạy trong các học phần tại trường đại học mà việc hợp tác với các trường phổ thông và cải tiến công tác tổ chức kiến tập, thực tập với sự tham gia chính của sinh viên, giáo viên, giảng viên cũng rất quan trọng. Các kết quả nghiên cứu ở trên có thể là những gợi ý giúp cho các cơ sở đào tạo giáo viên ở Việt Nam triển khai những nghiên cứu, thử nghiệm để đánh giá lại hiệu quả tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập cho sinh viên và đưa ra được những biện pháp cải tiến cụ thể, phù hợp với bối cảnh thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] U. Sharma and J. Mullick, "Bridging the gaps between theory and practice of inclusive teacher education," in *Oxford Encyclopedia of Inclusive and Special Education*, U. Sharma and S. Salend (Eds.). Oxford: Oxford University Press, 2021, pp. 107-120.
- [2] D. Levy, "Bridging to the theory-practice gap: Pre-service teachers' voices on internship experiences," Master Thesis, Utrecht University, Utrecht, 2022.
- [3] L. Darling-Hammond, "Teacher education and the American future," *Journal of teacher education*, vol. 61, no. 2, pp. 35-47, 2010.
- [4] J. Huang, G. Sang, and W. He, "Motivation to teach and preparedness for teaching among preservice teachers in China: The effect of conscientiousness and constructivist teaching beliefs," *Front Psychol*, vol. 14, pp. 1-14, 2023.
- [5] H. F. Wang and Z. Q. Zhang, "Practice guidance system for normal university students - An empirical study on the effect of internship efficacy," *Journal of Teacher Education*, vol. 7, no. 4, pp. 58-64, 2020.
- [6] R. Katharina, S. Ilse, and K. Mariella, "Overcoming the theory-practice divide in teacher education with the 'Partner School Programme'. A conceptual mapping," *European Journal of Teacher Education*, vol. 45, no. 2, pp. 1-17, 2022.
- [7] F. Rachel, "The school-university nexus and degrees of partnership in initial teacher education," *Irish Educational Studies*, vol. 42, no. 1, pp. 21-38, 2023.
- [8] D. Levy, "Addressing the theory-practice gap relative to teacher-perceived knowledge of effective instructional strategies," PhD. Thesis, Lindenwood University, Missouri, 2019.
- [9] C. Kwenda, S. Adendorff, and C. Mosito, "Student-teachers' understanding of the role of theory in their practice," *Journal of Education*, vol. 69, pp. 139-160, 2017.
- [10] T. H. H. Duong, T. H. Pham, H. M. Thai, and H. T. Nguyen, "Picturing the Models of Initial Teacher Education in the world and in Vietnam and the application of a "combined" model for a specific context," *European Journal of Contemporary Education*, vol. 11, no. 3, pp. 760-777, 2022.

- [11] T. H. H. Vu, T. T. T. Nguyen, T. M. H. Tieu, and H. H. Duong, "Partnerships Between Teacher Education Universities And Schools In Practicum To Train Pre-Service Teachers Of Vietnam," *International Journal of Higher Education*, vol. 9, no. 5, pp. 134-152, 2020.
- [12] T. H. Hoang and T. H. Le, "Students' assessment on factors related to the pedagogical internship quality," *The University of Danang Journal of Science and Technology*, vol. 20, no. 8, pp. 28-32, 2022.
- [13] L. Rosado and M. Lara, M, *TEExES Bilingual Generalist EC-6*. Piscataway, NJ: Research & Education Association, 2012.
- [14] F. Ries, C. Yanes, and R. González-Carriedo, "A study of teacher training in the United States and Europe," *The European Journal of Social and Behavioural Sciences*, vol. 16, no. 2, pp. 2029-2054, 2016.
- [15] Pearson Education, "About EdTPA," 2023. [Online]. Available: https://www.edtpa.com/PageView.aspx?f=GEN_About.html. [Accessed July 05, 2023].
- [16] O. P. Malinen, P. Vaisanen, and H. Savolainen, "Teacher education in Finland: A review of a national effort for preparing teachers for the future," *The Curriculum Journal*, vol. 23, no. 4, pp. 567-584, 2012.
- [17] J. Li, "The enlightenment of Finnish pre-service teacher education on the pre-service training of Chinese preschool teachers," *Proc. 1st International Conference on Education: Current Issues and Digital Technologies (ICECIDT)*, Moscow, 2021, pp. 113-120.
- [18] P. Sahlberg, *Finnish lesson 3.0*. Hanoi: The Gioi Publishers, 2021.
- [19] B. J. Zimmerman, "Becoming a self-regulated learner: An overview," *Theory into Practice*, vol. 41, no. 2, pp. 64-70, 2002.
- [20] C. Faikhamta, J. Ketsing, and A. Tanak, "Science teacher education in Thailand: a challenging journey," *Asia-Pacific Science Education*, vol. 4, no. 3, pp. 1-18, 2018.
- [21] P. L. Promratana and P. Chaichatpornasuk, "Teacher education system in Thailand and in Chulalongkorn University," in *Teacher Education Curriculum: A Comparative Study Across Asia and ASEAN*, J. Nomura, K. Tsuji, and Y. Tsuchida (Eds.). Asia & ASEAN Center for Educational Research: Chiba University, 2019, pp. 14-25.
- [22] P. Rupavijetra, U. Hanwong, and S. Maotheuak, "Teacher education system in Thailand and Chiang Mai University," in *Teacher Education Curriculum: A Comparative Study Across Asia and ASEAN*, J. Nomura, K. Tsuji, and Y. Tsuchida (Eds.). Asia & ASEAN Center for Educational Research: Chiba University, 2019, pp. 7-13.
- [23] Ho Chi Minh City University of Education, *Regulations on practicum in teacher education under the credit system*, 2014.
- [24] Hanoi National University of Education, "Regulations on teaching practice," 2017. [Online]. Available: <http://daotao.hnue.edu.vn/Uploads/files/1-Quy-che-TTSP-2017-QD-so-452-ngay-10-2-2017.pdf>. [Accessed July 05, 2023].
- [25] Hanoi Pedagogical University 2, "Conference on implementation of Internships for the academic year 2022-2023," 2022. [Online]. Available: <https://www.hpu2.edu.vn/vi-VN/hpu2-bai-viet/tin-tuc-va-su-kien/hoi-nghi-trien-khai-cong-tac-thuc-tap-su-pham-nam-hoc-2022-2023>. [Accessed July 05, 2023].
- [26] The University of Danang – University of Science and Education, "Regulations on regular internships, credit-based training, according to the model of Satellite Practice School," 2016. [Online]. Available: <https://daotao.ued.udn.vn/quy-dinh-va-bieu-mau-thuc-tap-su-pham/>. [Accessed July 05, 2023].
- [27] Ho Chi Minh City University of Education, *Decision on amending and supplementing a number of articles of the regulation on teaching practice in training teachers under the credit system issued together with Decision No. 45/QD-ĐHSP dated January 9, 2014 of the Rector of Ho Chi Minh City University of Education*, 2019.
- [28] Can Tho University, "Internships and teaching practice in high schools," 2023. [Online]. Available: <https://se.ctu.edu.vn/96LD4AMFnN9hrCmnggbaHBk99PffQgI8FuRgCoIDqZWKKzgGySvtl1Crt4o4-xZpPxLh3WyWjed8=>. [Accessed August 05, 2023].